ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 54 /2016/QĐ-UBND	*Thừa Thiên Huế, ngày 19 tháng 8 năm 2016*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Phương án giá nước sạch và ban hành Biểu giá nước sạch sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế

UBND TỈNH THỪA THIÊN HUẾ
SỞ XÂY DỰNG THỪA THIÊN HUẾ
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 4193
Ngày 29 tháng 8 năm 2016

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật giá ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật giá;

Căn cứ Nghị định số 25/2013/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với nước thải;

Căn cứ Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 63/2013/TTLT-BTC-BTNMT ngày 15 tháng 5 năm 2013 của Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn thực hiện Nghị định số 25/2013/NĐ-CP;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14/11/2013 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNN ngày 15 tháng 05 năm 2012 của Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn nguyên tắc, phương pháp xác định và thẩm quyền quyết định giá tiêu thụ nước sạch tại các đô thị, khu công nghiệp và khu vực nông thôn;

Căn cứ Thông tư số 88/2012/TT-BTC ngày 28 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc ban hành khung giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt;

Căn cứ Quyết định số 590/2014/QĐ-BXD ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Xây dựng về việc công bố định mức dự toán sản xuất nước sạch và quản lý, vận hành mạng cấp nước;

Căn cứ Nghị Quyết số 05/2014/NQ-HĐND ngày 18/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh;

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Tờ trình số 2125/TTr-STC ngày 15 tháng 8 năm 2016.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án giá nước sạch và ban hành Biểu giá nước sạch sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, với một số tiêu chí như sau:

TT	Đối tượng sử dụng	Giá bán nước theo lộ trình các năm (đồng/m^3)		
		2016	2017	2018
1	Giá tiêu thụ nước sạch bình quân	8.242	9.149	10.155
2	Giá nước sinh hoạt bình quân, trong đó:	6.916	7.677	8.521
2.1	*Khu vực Đô thị*	*7.088*	*7.868*	*8.733*
2.2	*Khu vực Nông thôn*	*6.429*	*7.136*	*7.921*
3	Giá bán nước sạch bình quân cho các đối tượng khác	12.351	13.710	15.218

Giá bán trên chưa có thuế VAT, phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt và chi phí dịch vụ môi trường rừng.

Đối tượng và mức thu phí bảo vệ môi trường đối với nước thải được thực hiện theo Quyết định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh về quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

Mức thu chi trả tiền dịch vụ môi trường rừng 40 đồng/m3 nước tiêu thụ theo Nghị định số 99/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2010 của Chính phủ về chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng.

Điều 2. Quy định đối tượng sử dụng nước:

1. Đối tượng sử dụng nước sinh hoạt, bao gồm: Các cá nhân, hộ gia đình sử dụng nước cho nhu cầu sinh hoạt thiết yếu.

2. Cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, bao gồm: Bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh công lập; trường học, trường dạy nghề công lập; các đơn vị, lực lượng vũ trang; cơ quan đoàn thể; các cơ sở tôn giáo; các hiệp hội nghề nghiệp; cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp khác.

Các hoạt động sản xuất hàng hóa, xây dựng, kinh doanh - dịch vụ của các đơn vị này phải được tính giá theo mục đích sử dụng tương ứng trên cơ sở thỏa thuận với đơn vị cấp nước về tỷ lệ nước sử dụng cho từng mục đích.

3. Các hoạt động sản xuất vật chất, bao gồm: Các khu công nghiệp, khu chế xuất; các đơn vị, cơ sở sản xuất, chế biến, gia công; các nhà máy điện; các

cơ sở chăn nuôi, trồng trọt, xử lý chất thải, lò thiêu; nước phục vụ cho công trình xây dựng và các hoạt động sản xuất vật chất khác.

4. Kinh doanh - dịch vụ, bao gồm: Các nhà máy, cơ sở sản xuất: nước đá, rượu, bia, kem, nước giải khát; khách sạn, nhà hàng, nhà nghỉ, kinh doanh ăn uống, giải khát; cơ sở thẩm mỹ, rửa xe, giặt là, khu vui chơi; các khu chợ, siêu thị, đại lý, cửa hàng thương mại; các dịch vụ cấp nước cho ghe, tàu, thuyền, cảng biển; cảng hàng không, ga tàu, bến xe, bến thuyền; các hoạt động của tổ chức, cá nhân mang tính chất kinh doanh khác.

5. Tổ chức nhân đạo là các tổ chức, đơn vị hoạt động vì mục đích nhân đạo xã hội, phi lợi nhuận, gồm: các trung tâm chăm sóc, nuôi dưỡng người có công với cách mạng, trẻ mồ côi, người tàn tật; cơ sở nuôi dưỡng, dạy nghề cho người khuyết tật; hội người mù; trung tâm bảo trợ xã hội thuộc Nhà nước quản lý và các trường hợp khách hàng mua nước qua đồng hồ tổng cho mục đích sinh hoạt sẽ tính bằng giá tiêu thụ nước sạch bình quân được quy định tại khoản 1, Điều 1 Quyết định này.

6. Các đối tượng sử dụng nước phức hợp nhiều mục đích (bao gồm cho sinh hoạt; hành chính; sản xuất, xây dựng; kinh doanh, dịch vụ) thì đơn vị cấp nước và đối tượng sử dụng nước phải thỏa thuận để xác định tỷ lệ nước sử dụng cho từng mục đích để tính giá theo quy định.

Các cá nhân, hộ gia đình đăng ký sử dụng nước cho mục đích sinh hoạt nhưng thực tế có sử dụng cho các mục đích khác thì sản lượng nước được tính giá sinh hoạt tối đa là $5m^3$/người/tháng, phần sản lượng còn lại sẽ tính giá tương ứng theo các mục đích sử dụng phát sinh.

Điều 3. Quy định về chính sách hỗ trợ giá:

Chính sách hỗ trợ giá nước sạch sinh hoạt đối với hộ nghèo, hộ cận nghèo:

1. Giảm 20% giá nước sinh hoạt ở mức giá tương ứng đối với hộ nghèo dân tộc thiểu số;

2. Giảm 15% giá nước sinh hoạt ở mức giá tương ứng đối với hộ nghèo còn lại và hộ cận nghèo dân tộc thiểu số.

Điều 4. Giao Giám đốc đơn vị sản xuất, cung cấp nước sạch căn cứ mức giá bán nước sạch bình quân cho các đối tượng khác, ban hành cụ thể giá tiêu thụ nước sạch cho các đối tượng là các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh dịch vụ, các tổ chức nhân đạo đảm bảo nguyên tắc không vượt hệ số tính giá tối đa được hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 75/2012/TTLT-BTC-BXD-BNN ngày 15 tháng 5 năm 2012 của Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và giá bán

bình quân cho các đối tượng này (chưa thuế VAT, phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt và chi phí dịch vụ môi trường rừng) không vượt quá mức giá quy định tại mục 3 của biểu giá tại Điều 1 Quyết định này.

Nghiêm cấm đơn vị sản xuất và kinh doanh nước sạch tính thêm các khoản phụ thu khác vào giá bán nước sạch dưới mọi hình thức.

Giao trách nhiệm cho Giám đốc Sở Tài chính tổ chức kiểm tra việc thực hiện Quyết định này.

Điều 5. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2016; thay thế Quyết định số 44/2014/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt phương án giá nước sạch và ban hành Biểu giá nước sạch sinh hoạt năm 2014.

Các mức giá nước áp dụng cho các năm 2017, 2018 nêu tại Điều 1 Quyết định này được điều chỉnh vào ngày 01 tháng 8 hàng năm.

Điều 6. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Huế; Giám đốc Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Xây dựng và Cấp nước Thừa Thiên Huế; Thủ trưởng các cơ quan có liên quan, các tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các đoàn thể, các cơ quan đơn vị hành chính sự nghiệp, các doanh nghiệp và cá nhân, hộ gia đình chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 6;
- Các Bộ: Tài chính, Xây dựng;
- Cục KT VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TV Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Báo TT Huế, Đài PTTH tỉnh;
- Lưu: VT, XD, KH, TC.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Cao